

Số: 22 /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 120/TTr-SXD ngày 27 tháng 7 năm 2020; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 92/BC-STP ngày 22 tháng 7 năm 2020; Công văn số 4171/SXD-KTVL ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan làm cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quy định về áp dụng đơn giá nhân công:

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

(PPP) áp dụng đơn giá nhân công theo Quyết định này.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng đơn giá nhân công theo Quyết định này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng vốn khác.

Điều 3. Xử lý chuyên tiếp:

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, công trình, hạng mục công trình chưa phê duyệt dự toán thì chủ đầu tư tổ chức lập và quản lý chi phí nhân công xây dựng theo Quyết định này.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng, công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt dự toán trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đang tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa đóng thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh dự toán đơn giá nhân công công bố tại Quyết định này.

3. Đối với các gói thầu đã đóng thầu, đã ký hợp đồng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thực hiện theo nội dung mời thầu, hồ sơ dự thầu, nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 3322/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố; các chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐTTP, Công báo TP;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các CV VPUBND TP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC

Đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Công bố kèm theo Quyết định số ~~22/2020~~ **22/2020** QĐ-UBND ngày **04/9/2020**
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ngày công)
I	Công nhân xây dựng trực tiếp	
1	Nhóm 1 (bậc 3,5/7)	240.000
2	Nhóm 2 (bậc 3,5/7)	250.000
3	Nhóm 3 (bậc 3,5/7)	250.000
4	Nhóm 4 (bậc 3,5/7)	260.000
5	Nhóm 5 (bậc 3,5/7)	260.000
6	Nhóm 6 (bậc 3,5/7)	270.000
7	Nhóm 7 (bậc 3,5/7)	265.000
8	Nhóm 8 (bậc 3,5/7)	265.000
9	Nhóm 9 (lái xe, bậc 2/4)	270.000
10	Nhóm 10 (lái xe, bậc 2/4)	275.000
11	Nhóm 11 (Huyện Bạch Long Vĩ)	280.000
II	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm (bậc 4/8)	280.000
III	Tư vấn xây dựng	
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	800.000
2	Kỹ sư chính, Chủ nhiệm bộ môn	600.000
3	Kỹ sư	400.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	360.000
IV	Nghệ nhân (bậc 1,5/2)	620.000
V	Thuyền trưởng, thuyền phó	
1	Thuyền trưởng (bậc 1,5/2)	520.000
2	Thuyền phó (bậc 1,5/2)	390.000
VI	Thủy thủ, thợ máy (bậc 2/4)	348.000
VII	Thợ điều khiển tàu sông (bậc 1,5/2)	390.000
VIII	Thợ điều khiển tàu biển (bậc 1,5/2)	416.000
IX	Thợ lặn (bậc 2/4)	598.000

Ghi chú:

- Đơn giá nhân công xây dựng được xác định với điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc một ngày là 8 giờ; bao gồm một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn). Riêng nhân công xây dựng trên huyện Bạch Long Vĩ được xác định tại Nhóm 11.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn căn cứ đơn giá nhân công xây dựng cấp bậc trung bình, nhóm nhân công và thang bảng hệ số cấp bậc nhân công xây dựng tại Phụ lục số 2 và Phụ lục số 6, Thông tư số 15/2019/TT-BXD để xác định đơn giá nhân công theo cấp bậc cụ thể phù hợp với từng công việc trong quá trình xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Đơn giá nhân công tư vấn xây dựng bao gồm đầy đủ các khoản lương, phụ cấp lương, các khoản bảo hiểm bắt buộc thuộc trách nhiệm của người lao động phải nộp theo quy định.